TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:32/2019/DSPT
Ngày: 04/4/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính

Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLPT – DS ngày 17/01/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/**HNGĐ** - ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:27/2019/QĐ-PT ngày 13/02/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1964 (Có mặt).

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969.

(Bà H là vợ ông Q, ủy quyền cho ông Q theo Giấy ủy quyền ngày 27/2/2018 – BL 14)

Địa chỉ: Thôn Giang L, xã P, huyện Q, tỉnh BN.

***Bị đơn*:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (Có mặt).

Ông Nguyễn Mạnh N, sinh năm 1964.

(Ông N là chồng bà H, ủy quyền cho bà H tại văn bản ngày 10/5/2018 – BL 43B)

Địa chỉ: Thôn Quảng L, xã H, huyện Q, tỉnh BN.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 (do ông Q đại diện) trình bày:

Do ông với ông Nguyễn Mạnh N là bạn đồng ngũ với nhau nên hai bên có mối quan hệ vì vậy vào ngày 11/01/2016 ông đã cho ông N, bà H vay số tiền là 300.000.000đ. Khi vay hai bên có làm giấy vay nợ, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận miệng. Sau đó đến hạn vợ chồng ông N, bà H không trả được số tiền nợ trên cho ông, ông có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông N, bà H đều khất nợ. Lần khất nợ cuối cùng hai bên thống nhất đến ngày 25/02/2017 (Âm lịch) tức ngày 22/3/2017 (Dương lịch) thì vợ chồng ông N, bà H phải trả nợ nhưng sau đó vợ chồng ông N, bà H vẫn không trả được nợ. Nay vợ chồng ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông N, bà H phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 300.000.000đ. Về số tiền lãi ông xác định bà H, ông N đã trả tiền lãi theo thỏa thuận đến ngày 11/5/2016 nhưng mức lãi suất là bao nhiêu hai bên cũng không nói cụ thể. Bà H đã trả ông được số tiền lãi 10 ngày đầu với số tiền 12.000.000đ, ngoài ra không trả được khoản tiền nào khác. Nay ông yêu cầu bà H, ông N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền lãi từ ngày 12/5/2016 đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật.

Phía bị đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Mạnh N (do bà H đại diện) trình bày: Do công việc làm ăn buôn bán cần một khoản tiền lớn nên ngày 11/01/2016 vợ chồng bà có vay của ông Q số tiền 300.000.000đ tiền gốc với thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất hai bên không ghi trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận miệng là 4000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Số tiền vay này bà đã nhận đủ từ ông Q. Sau đó đến hạn trả nợ, do công việc kinh doanh buôn bán không thuận lợi nên vợ chồng bà không có tiền để trả nợ thì phía ông Q cũng cho khất nợ nhưng thỏa thuận vẫn trả lãi như hai bên đã thống nhất. Quá trình sau đó bà tiếp tục trả lãi cho ông Q với lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày (tức 12%/tháng). Tổng cộng số tiền lãi bà đã trả cho ông Q kể từ khi vay đến thời điểm hiện nay là 183.000.000đ. Nay ông Q có yêu cầu đòi tiền, bà nhất trí trả số nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật nhưng được trừ đi số tiền 183.000.000đ tiền lãi mà bà đã trả cho ông Q. Bà cũng trình bày tết năm 2016 bà có đem biếu ông Q số tiền 10.000.000đ nhưng bà xác định đây là tiền quà biếu nên bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Đối với khoản vay này, ngày 8/2/2017 Tòa án nhân dân huyện Quế Võ đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ kiện do nguyên đơn là ông Q, bà H1 khởi kiện và ngày 7/7/2017 đã tiến hành xét xử sơ thẩm nhưng sau đó vụ án bị kháng cáo. Tại

bản án phúc thẩm số 16/2018/DSPT ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tuyên hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án vì nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện do chưa đến hạn đòi nợ.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; các điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài Chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1. Buộc bà H, ông N phải trả ông Q, bà H1 số tiền nợ 265.800.000đ còn lại theo thỏa thuận vay tiền ngày 11/01/2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 12/10/2018, bị đơn là bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Đình Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, phía bà H xác nhận hiện bà vẫn còn nợ ông Q số tiền gốc là 300.000.000 đồng song kể từ khi vay số tiền trên của ông Q bà đã trả được số tiền lãi cho ông Q là 183.000.000 đồng, việc bản án sơ thẩm xác định bà mới trả được số tiền lãi 144.000.000 đồng là không chính xác bà đề nghị cấp phúc thẩm xác định lại số tiền lãi bà đã trả cho ông Q là 183.000.000 đồng.

Về phía ông Q đối đáp cho rằng bà H mới thanh toán trả lãi cho ông được số tiền là 12.000.000 đồng, tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định bà H đã trả lãi cho ông được 04 tháng với số tiền 144.000.000 đồng ông không có ý kiến gì, ông đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng trình tự pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên nhận định tại trang 2 phần nội dung bản án sơ thẩm có sai sót khi ghi bà H đã trả ông Q số tiền lãi 10 ngày đầu với số tiền là 120.000.000 đồng là không đúng với lời trình bày của ông Q mà theo ông Q trình bày thì số tiền lãi bà H trả ông 10 ngày đầu là 12.000.000 đồng vì vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm ở phần nội dung tại trang 2

của bản án để xác định lại lời trình bày của ông Q là bà H đã trả ông được số tiền lãi 10 ngày đầu với số tiền 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát Viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

- *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn luật định là hợp lệ cần được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và giấy vay nợ ngày 11/01/2016; giấy khất nợ ngày 30/10/2016 và ngày 26/01/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ để xác định: Ngày 11/01/2016 vợ chồng bà H, ông N có vay của vợ chồng ông Q, bà H1 số tiền 300.000.000 đồng với thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất hai bên có thỏa thuận nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất, sau đó các bên thỏa thuận gia hạn nợ hạn cuối là ngày 22/3/2017. Phía bà H cũng xác định đã nhận đủ số tiền vay này nhưng đến nay chưa trả được đồng tiền nợ gốc nào. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Q, bà H1 về việc buộc vợ chồng ông N, bà H phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

Về mức lãi suất: Hội đồng xét xử thấy, tại giấy mượn tiền lập ngày 11/01/2016 không thể hiện gì về lãi suất. Tuy nhiên tại giấy khất nợ ngày 26/01/2017 thì có thể hiện lãi suất của khoản vay này là 4000 đồng/1 triệu/1 ngày (tức 12%/tháng), giấy khất nợ này có ông Q ký phần nội dung người cho vay. Tại biên bản đối chất ngày 17/5/2018 ông Q, bà H cùng xác định mức lãi suất của khoản vay này là 12%/tháng. Bản thân ông Q tại buổi đối chất cũng xác định bà H đã trả tiền lãi của 10 ngày đầu với số tiền ông đã nhận là 12.000.000 đồng, tính ra đúng bằng với mức lãi suất 12%/tháng như ông Q, bà H đã trình bày. Do vậy có căn cứ để xác định mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận và thực hiện là 4000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày (tức 12%/tháng).

Về số tiền lãi hai bên đã giao nhận cho nhau: Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định bà đã trả cho ông Q được 183.000.000 đồng tiền lãi, còn ông Q cho rằng mới chỉ nhận được số tiền 12.000.000 đồng tiền lãi của bà H nhưng các đương sự không có căn cứ gì để chứng minh. Xem xét lời trình bày của các đương sự và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2018, ông Q đã thừa nhận bà H đã trả được tiền lãi đến ngày 11/5/2016, tức là đã trả được 4 tháng tiền lãi. Việc này phù hợp với lời trình bày của ông tại biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2017 và phiên tòa phúc thẩm ngày 16/01/2018, theo đó ông xác định bà H đã trả được 4 tháng tiền lãi với số tiền 36.000.000 đồng. Như vậy có căn cứ để xác định tổng số tiền lãi ông Q đã nhận của bà H là 36.000.000 đồng x 4 tháng = 144.000.000 đồng.

Xem xét thời điểm giao kết hợp đồng, thời điểm khất nợ, lãi suất, số tiền lãi các bên đã giao nhận và yêu cầu của các đương sự, thấy rằng: hai bên ký kết việc vay nợ ngày 11/01/2016 và khất nợ nhiều lần, lần khất nợ cuối cùng hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 22/3/2017. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bên đã thực hiện xong giao dịch vay mượn tiền trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 (ngày 01/01/2017) có hiệu lực thi hành để áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 là chưa phù hợp mà phải xác định hợp đồng chưa thực hiện xong vì bên vay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy mức lãi suất phải được tính theo hai thời điểm tức lãi suất từ ngày 11/01/2016 đến 31/12/2016 được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 (13,5%/năm) và từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (20%). Vì thế số tiền lãi mà bà H, ông N phải trả cho vợ chồng ông Q, bà H phải lớn hơn số tiền 109.800.000 đồng mà án sơ thẩm đã xác định. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là ông Q, bà H không kháng cáo mà chỉ có bị đơn là bà H kháng cáo, do vậy cần chấp nhận việc án sơ thẩm xác định số tiền lãi phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến khi xét xử sơ thẩm là 109.800.000 đồng. Số tiền bà H trả thừa ra so với số tiền lãi phải trả là 144.000.000 đồng – 109.800.000 đồng = 34.200.000 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc mà vợ chồng bà H phải trả vợ chồng ông Q. Như vậy số tiền vợ chồng bà H phải trả vợ chồng ông Q là 300.000.000 đồng – 34.200.000 đồng = 265.800.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có một số thiếu sót, cụ thể:

Thứ nhất: Tại Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST – DS ngày 14/6/2018, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã hoãn phiên tòa ngày 14/6/2018 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 13/7/2018. Tuy nhiên, đến ngày 10/7/2018 lại có thông báo số 02/TB – TA về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 13/8/2018 mà không có việc mở lại phiên tòa theo thời gian đã ấn định theo Quyết định hoãn phiên tòa số 10 nêu trên (BL81). Việc này là vi phạm quy định tại điều 233, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thứ hai: Tại mục số và ký hiệu của bản án sơ thẩm có ghi "Bản án số: 10/2019/HNGĐ – ST " là không đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2017/NQ – HĐTP.

Thứ ba: Tại trang 2 của bản án sơ thẩm trong phần trình bày của ông Q án sơ thẩm đã ghi nhầm số tiền bà H đã trả ông Q 12.000.000 đồng thành 120.000.000 đồng.

Xét thấy những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm là chưa đến mức nghiêm trọng và không làm thay đổi nội dung cũng như đường lối giải quyết vụ án. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Thông tư liên tịch số 01- TT/LT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Mạnh N phải trả ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 tổng số tiền là 265.800.000 đồng (Hai trăm sáu mươi năm triệu, tám trăm ngàn đồng).

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Q, bà H1 9.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2017/0002558 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

- Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Mạnh N phải chịu 13.290.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2017/0002793 ngày 15/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Quế Võ;
- Chi cục THADS H.Quế Võ;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà
Hoàng Tuấn Anh
(Đã ký)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 12/3/2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính

Ông Nguyễn Thanh Bình

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLPT – DS ngày 17/01/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Đình Quỳnh, bà Nguyễn Thị Hà.

***Bị đơn*:** Bà Nguyễn Thị Hương, ông Nguyễn Mạnh Năm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Thông tư liên tịch số 01-TT/LT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Quỳnh, bà Nguyễn Thị Hà. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Hương, ông Nguyễn Mạnh Năm phải trả ông Nguyễn Đình Quỳnh, bà Nguyễn Thị Hà số tiền 265.800.000 đồng (Hai trăm sáu mươi năm triệu, tám trăm ngàn đồng).

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đình Quỳnh, bà Nguyễn Thị Hà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Quỳnh, bà Hà 9.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là theo biên lai thu số AA/2017/0002558 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

- Bà Nguyễn Thị Hương, ông Nguyễn Mạnh Năm phải chịu 13.290.000đ tiền án phí sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Hương phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. xác nhận bà Hương đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2017/0002793 ngày 15/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Việc nghị án kết thúc cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Tính **Nguyễn Thanh Bình** **Hoàng Tuấn Anh**